

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST
Ngày: 02-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1981 và bà Đỗ Thị Ánh T, sinh năm 1981. Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà H và vợ chồng ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T có mối quan hệ quen biết. Ngày 14/10/2020, ông P, bà T có đến hỏi bà H vay số tiền 80.000.000 đồng để làm ăn và hứa khi nào bà H cần thì ông P, bà T sẽ trả lại. Vì là chỗ quen biết, tin tưởng nên bà H đã cho ông P và bà T vay số tiền 80.000.000

đồng. Việc vay tiền có làm lập thành giấy nợ ngày 14/10/2020 do bà T viết, cả ông P và bà T cùng ký tên. Sau đó, bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông P, bà T không thực hiện.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông P và bà T phải trả số tiền vay còn nợ theo giấy nợ ngày 14/10/2020 là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tập và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P và bà T vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào giấy nợ và kết luận giám định có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoài P, bà Đỗ Thị Ánh T phải thanh toán số tiền vay là 80.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” đề ngày 14/10/2020 mà bà H đã cung cấp cho Tòa án. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn ông P và bà T phải thanh toán số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng căn cứ vào giấy nợ có ghi thông tin của ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1981, bà Đỗ Thị Ánh T, sinh năm 1981 và địa chỉ tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Theo kết quả xác minh tại Công an xã Đ, huyện D xác định: Ông P và bà T là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ địa P đi nơi khác không xác định được địa chỉ chuyển đi do ông P và bà T

không thông báo, ông P và bà T cũng chưa làm thủ tục chuyển hộ khẩu theo quy định. Kết quả xác minh tại Bảo hiểm xã hội huyện D và chứng cứ do Công ty TNHH MTV cao su D có căn cứ xác định đến ngày 01/3/2021, ông P và bà T mới nộp đơn xin nghỉ việc (ông P và bà T là công nhân của Nông trường Trần Văn L thuộc Công ty TNHH MTV cao su D) và đến ngày 19/3/2021, Bảo hiểm xã hội vẫn chưa nhận được thông báo về việc ông P và bà T nghỉ việc. Có cơ sở xác định bị đơn ông P và bà T cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông P và bà T là tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên toà, bị đơn ông P và bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông P và bà T phải trả số tiền 80.000.000 đồng căn cứ vào “giấy mượn tiền” đề ngày 14/10/2020 có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T mà bà H đã cung cấp cho Tòa án. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định cho ông P và bà T nhưng ông P và bà T vẫn vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của ông P và bà T. Ông P và bà T cũng không có bất kỳ văn bản phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ nào khác. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét giấy mượn tiền đề ngày 14/10/2020 là bản chính, có nội dung về việc ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T mượn tiền của bà Trần Thị H số tiền 80.000.000 đồng viết bằng chữ “tám chục triệu đồng”, khi nào chị H cần thì vợ chồng ông P bà T trả đủ số tiền trên, có chữ ký và chữ viết “Nguyễn Hoài P” dưới chữ “Người vay”, có chữ ký và chữ viết “Đỗ Thị Ánh T” dưới chữ “Vợ vay”. Kết luận giám định số 237/GĐ-PC09 ngày 20/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Hoài P” dưới mục “Người vay” trên giấy nợ ngày 14/10/2020 so với chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Hoài P trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra; chữ ký viết tên “T” dưới mục “Vợ vay” trên giấy nợ ngày 14/10/2020 so với chữ ký của Đỗ Thị Ánh T trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra; chữ viết họ tên “Đỗ Thị Ánh T” dưới mục “Vợ vay” trên giấy nợ ngày 14/10/2020 so với chữ viết họ tên của Đỗ Thị Ánh T trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra. Như vậy, có cơ sở xác định: Giữa bà H với ông P và bà T đã thiết lập quan hệ vay tài sản, bà H là bên cho vay, còn ông P và bà T là bên vay, số tiền vay là 80.000.000 đồng. Bà H đã thông báo nhiều lần nhưng ông P, bà T vẫn không thực hiện việc trả nợ là ông P, bà T đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Yêu cầu của bà H về việc buộc ông P, bà T cùng thanh toán số tiền 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do bà H không yêu cầu ông P và bà T thanh toán tiền lãi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[4] Chi phí giám định là 2.940.000 đồng. Bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng chi phí giám định, yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T phải nộp 2.940.000 đồng để hoàn trả cho bà H.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 162, 180, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T phải liên đới thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Chi phí giám định: Ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T phải liên đới nộp 2.940.000 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) để hoàn trả cho bà Trần Thị H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoài P và bà Đỗ Thị Ánh T phải liên đới chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045757 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/11/2021).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Tuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Kim Phi

Phạm Ngọc Tuyên

